XII. PHẨM SA-MÔN
(*SĀMAÑÑAVAGGA*)[134]

I. KINH QUÁN THÂN (*Kāyānupassīsutta*)[135] (*A*. III. 449)

117. Không đoạn tận sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, không thể trú quán thân trên thân. Thế nào là sáu? Ưa thích công việc, ưa thích nói chuyện, ưa thích ngủ nghỉ, ưa thích hội chúng, không phòng hộ các căn, không tiết độ trong ăn uống.

Này các Tỷ-kheo, không đoạn tận sáu pháp này, không thể trú quán thân trên thân.

Đoạn tận sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, có thể trú quán thân trên thân. Thế nào là sáu? Ưa thích công việc, ưa thích nói chuyện, ưa thích ngủ nghỉ, ưa thích hội chúng, không phòng hộ các căn, không tiết độ trong ăn uống.

Đoạn tận sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, có thể trú quán thân trên thân.

II. KINH QUÁN PHÁP (*Dhammānupassīsutta*) (*A*. III. 450)

118. Không đoạn tận sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, không có thể quán thân trên thân... trên nội thân... trên ngoại thân... trên nội ngoại thân... trên các cảm thọ... trên các nội thọ... trên các ngoại thọ... trên các nội ngoại thọ... trên tâm... trên nội tâm... trên ngoại tâm... trên các nội ngoại tâm... trên các pháp... trên các nội pháp... trên các ngoại pháp... trên các nội ngoại pháp. Thế nào là sáu? Ưa thích công việc, ưa thích nói chuyện, ưa thích ngủ nghỉ, ưa thích hội chúng, không phòng hộ các căn, không tiết độ trong ăn uống.

Đoạn tận sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, có thể trú quán pháp trên các nội ngoại pháp.

III. KINH TAPUSSA (*Tapussasutta*)[136] (*A*. III. 450)

119. Thành tựu sáu pháp, này các Tỷ-kheo, gia chủ Tapussa[137] đi đến cứu cánh nơi Như Lai,[138] sống thấy được bất tử, chứng ngộ bất tử. Thế nào là sáu? Với lòng tịnh tín bất động đối với Phật, với lòng tịnh tín bất động đối với Pháp,

---

[134] Bản tiếng Anh của PTS: *The Recital*, nghĩa là *Trùng tụng*.

[135] Tên kinh này và kinh kế tiếp trong bản tiếng Anh của PTS dịch: *Contemplation*, nghĩa là *Quán*.

[136] Tên kinh này và nhóm 20 kinh kế tiếp (120-139) trong bản tiếng Anh của PTS dịch: *He Sees the Deathless*, nghĩa là *Thấy được bất tử*.

[137] Ở đây đề cập đến một số cư sĩ đã chứng ngộ được Niết-bàn. Xem *GS*. I. 22.

[138] *Tathāgate niṭṭhaṅgato*.

với lòng tịnh tín bất động đối với Tăng, với Thánh giới, với Thánh trí, với Thánh giải thoát.

Thành tựu sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, gia chủ Tapussa đi đến cứu cánh nơi Như Lai, sống thấy được bất tử, chứng ngộ bất tử.

IV-XXIII. NHÓM KINH BẮT ĐẦU BẰNG KINH BHALLIKA (*Bhallikādisuttāni*) (*A*. III. 451)

120-139. Thành tựu sáu pháp, này các Tỷ-kheo, gia chủ Bhallika[139]... gia chủ Sudatta Anāthapiṇḍika... gia chủ Citta Macchikāsaṇḍika... gia chủ Hatthaka Āḷavaka... gia chủ Mahānāma Sakka... gia chủ Ugga người Vesāli... gia chủ Uggata... gia chủ Sūra Ambaṭṭha... gia chủ Jīvaka Komārabhacca... gia chủ Nakulapitā... gia chủ Tavakaṇṇika... gia chủ Pūraṇa... gia chủ Isidatta... gia chủ Sandhāna... gia chủ Vijaya... gia chủ Vajjiyamāhita... gia chủ Meṇḍaka... cư sĩ Vāseṭṭha... cư sĩ Ariṭṭha... cư sĩ Sāragga, đi đến Cứu cánh nơi Như Lai, sống thấy được bất tử, chứng ngộ được bất tử.

Thế nào là sáu? Với lòng tịnh tín bất động đối với Phật, với lòng tịnh tín bất động đối với Pháp, với lòng tịnh tín bất động đối với Tăng, với Thánh giới, với Thánh trí, với Thánh giải thoát.

Thành tựu sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, cư sĩ Sāragga, đi đến Cứu cánh nơi Như Lai, sống thấy được bất tử, chứng ngộ được bất tử.

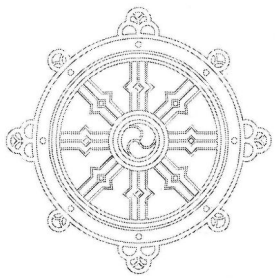

[139] Về Pūraṇa và Isidatta, xem *A*. III. 347, *GS*. III. 246; về Meṇḍaka, xem *A*. III. 36, *GS*. III. 28; về Ariṭṭha, xem *KS*. V. 278; về Vāseṭṭha, xem *D*. III. 80, *M*. II. 169; về Sandhāna, xem *DA*. I. 45; về Bhallika, xem *GS*. III. 313, n.3.